TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 564/2017/HNGĐ – ST Ngày: 13 – 12 - 2017 V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con	□□

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Chi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Mua.

2. Ông Nguyễn Hoàng Tiến.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Dương Kim Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên tòa***: Không tham gia.

Ngày 13 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 424/2017/TLST– HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2017 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 264/2017/QĐXXST – HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị Thạch Thị M, sinh năm 1990

* *Bị đơn*: Anh Nguyễn Út H, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: ấp H1, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Thạch Thị M trình bày:

Vào năm 2008 trên cơ sở quen biết, tìm hiểu nhau, được sự đồng ý của gia đình chị M và anh H tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 25/02/2009 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian hạnh phúc vợ chồng được khoảng 09 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cải, anh H dùng lời lẽ xúc phạm chị M và gia đình chị M. Vợ chồng ly thân từ tháng 09/2017 cho đến nay. Hiện chị M không còn tình cảm với anh H nên yêu cầu ly hôn. Trong quá trình chung sống chị M và anh H có với nhau 01 người con chung tên là Nguyễn Anh T, sinh ngày 02/5/2010, hiện đang sống với chị M, chị M yêu cầu nuôi con chung,

không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung phải thu, nợ phải trả: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là anh Nguyễn Út H: Căn cứ vào các Điều 196, 199, 208 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tống tụng cho anh H, nhưng anh H vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan để đến Tòa án thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt đối với anh H.

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện T:

Do vụ việc không thuộc các trường hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát nhân dân huyện T không có ý kiến và không tham gia phiên tòa sơ thẩm trong vụ việc này.

- Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

+ Nguyên đơn là chị M đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án bao gồm: 01 đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ghi ngày 01/9/2017; 01 giấy chứng minh nhân dân của chị M (Bản photo, công chứng); 01 giấy chứng nhận kết hôn (Bản sao); 01 đơn xác nhận nơi cư trú; 01 bản tự khai của cháu Anh T; 01 trích lục giấy khai sinh của cháu Anh T (Bản sao); Sổ hộ khẩu gia đình;

+ Bị đơn là anh H đã giao nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án gồm: Giấy chứng minh nhân dân của anh H (Bản photo, công chứng);

- Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:

+ Về hôn nhân: Chị M và anh H thống nhất trình bày vào năm 2008 trên cơ sở quen biết và được sự đồng ý của gia đình, chị M và anh H có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 25/02/2009 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Đây là hôn nhân hợp pháp nên các đương sự không phải chứng minh.

+ Về con chung: Chị M trình bày có 01 người con chung tên Nguyễn Anh T, sinh ngày 02/5/2010. Theo bản sao giấy khai sinh của Anh T do chị M giao nộp cho Tòa án thể hiện anh Nguyễn Út H và chị Thạch Thị M là cha, mẹ ruột của Anh T nên tình tiết, sự kiện này đương sự không cần phải chứng minh.

+ Về tài sản chung, nợ chung phải thu, nợ phải trả: Chị M trình không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên tình tiết, sự kiện này đương sự không cần phải chứng minh.

- Các tình tiết, sự kiện mà các bên đương sự, không thống nhất: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện, khách quan những tình tiết của vụ án; ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện chị M yêu cầu được ly hôn với anh H là tranh chấp về ly

hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T.

[2]. Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện T tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ việc:

Tại phiên tòa chị M trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với anh Nguyễn Út H.

[3].Về hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh H là hợp pháp; thời gian chung sống hạnh phúc được khoảng 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cải, anh H dùng lời lẽ xúc phạm chị M và gia đình chị M, vợ chồng ly thân từ tháng 9/2017 cho đến nay không trở về đoàn tụ. Sau đó chị M có làm đơn khởi kiện về việc xin ly hôn với anh H tại Tòa án nhân dân huyện T. Nay chị M xác định nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng không thể hàn gắn được; chị M khẳng định không còn tình cảm với anh H và yêu cầu được ly hôn. Xét đời sống chung của anh chị là trầm trọng, hiện tại vợ chồng không còn đời sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử, căn cứ vào khoản 3 Điều 2, Điều 19, khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M được ly hôn với anh H.

[4]. Về con chung: Chị M trình bày: có 01 người con chung tên Nguyễn Anh T, sinh ngày 02/5/2010, hiện đang sống với chị M. Tại phiên tòa hôm nay, chị M có yêu cầu nuôi con chung. Xét yêu cầu nuôi con của chị M là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, từ khi ly thân đến nay cháu Anh T sống chung với chị M, cháu Anh T có bản tự khai ngày 01/9/2017 có nguyện vọng sống chung với chị M, nhằm tránh làm xáo trộn cuộc sống và vì quyền lợi về mọi mặt của cháu Anh T nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị M yêu cầu nuôi con chung. Tiếp tục giao cháu Anh T cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Chị M không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung phải thu, phải trả: Chị M trình bày trong quá trình sống chung chị M và anh H không có tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả, nay chị M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. **Về án phí dân sự sơ thẩm**:

- Buộc chị Thạch Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền là 300.000^{đ} (*Ba trăm ngàn đồng*); Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp là 300.000^{đ} (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số No

0010285 ngày 01/9/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T nên chị M không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 2, Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 2 Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thạch Thị M.

- Về hôn nhân: Chị Thạch Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Út H.

- Về quyền nuôi con và cấp dưỡng:

Tiếp tục giao con chung tên Nguyễn Anh T, sinh ngày 02/5/2010 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Chị M không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung, nợ chung phải thu, phải trả: Chị M trình bày trong quá trình sống chung chị M và anh H không có tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả, nay chị M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.**Về án phí dân sự sơ thẩm**:

- Buộc chị Thạch Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền là 300.000^{đ} (*Ba trăm ngàn đồng*); Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp là 300.000^{đ} (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số No 0010285 ngày 01/9/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T nên chị M không phải nộp thêm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã H, huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Thị Hồng Chi